



# CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA NHÀ NƯỚC

## NHẪM KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Th.s Nguyễn Hữu Xuyên, TS. Đỗ Thị Hải Hà

Đại học Kinh tế Quốc dân

*Chính sách thuế của Nhà nước có vai trò quan trọng nhằm đẩy nhanh tiến độ đổi mới công nghệ (ĐMCN) của doanh nghiệp (DN). Công cụ này thường được Nhà nước sử dụng để khuyến khích DN đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (NC&PT), tiến tới cải tiến và ĐMCN. Bài viết này phân tích tác động của chính sách thuế đối với ĐMCN của DN, từ đó kiểm định, chứng minh giả thuyết nghiên cứu và đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính sách thuế của Nhà nước nhằm khuyến khích DN ĐMCN phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam.*

### 1. Tổng quan về chính sách thuế nhằm khuyến khích DN ĐMCN

Bản chất của chính sách ưu đãi về thuế là Nhà nước mong muốn DN thực hiện nhiều hoạt động NC&PT, ĐMCN hơn mức đầu tư tối ưu của DN với kỳ vọng xã hội sẽ thu được những lợi ích từ hiệu ứng lan toả khi DN ứng dụng kết quả NC&PT vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Hay có thể hiểu rằng, đây chính là việc ứng trước phần vốn của Nhà nước cho DN thực hiện hoạt động NC&PT nhằm mục đích tạo ra những kết quả có thể mang lại lợi ích cho cả DN và xã hội (Tạ Doãn Trịnh, 2009). Sở dĩ chính sách thuế hay được sử dụng bởi vì hệ thống này ít can thiệp tới cơ chế thị trường và không đòi hỏi phải dành quỹ để tổng kết hàng năm (Link, 1996; Mani, 1999; Feldman, 2002)<sup>1</sup>.

Hiện nay, hoạt động ĐMCN của các DN Việt Nam bị tác động bởi các luật thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập DN, thuế đất. Đối với các DN, mối quan tâm hàng đầu khi tiến hành ĐMCN là môi trường và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động đầu tư có hiệu quả; nó bao gồm nhiều nội dung và một trong những nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực tài chính là hệ thống chính sách hỗ trợ về thuế của Nhà nước nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính khi DN tiến hành hoạt động ĐMCN. Cụ thể<sup>2</sup>: Điều 42, Luật Khoa học & Công nghệ (2000) qui định về chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN); Điều 44, Luật chuyển giao công nghệ (2006) qui định về chính sách thuế để thúc đẩy hoạt động

chuyển giao công nghệ và điều 45 của Luật khuyến khích DN ứng dụng, ĐMCN; Điều 4 mục 1, điều 10 mục 1a, điều 12 mục 1a, mục 2, điều 17 mục 1 của Luật công nghệ cao (2008) qui định về các chính sách ưu đãi thuế liên quan tới lĩnh vực công nghệ cao; Điều 4, điều 5, điều 6 của Nghị định 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ (1999) qui định về việc miễn, giảm thuế cho các hoạt động NC&PT và ĐMCN; Điều 17 của Luật thuế thu nhập DN (2008) qui định DN được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển KH&CN của DN, tuy nhiên sau một thời gian nhất định, nếu DN không sử dụng, sử dụng không hết hoặc sử dụng sai mục đích, nhà nước sẽ thu hồi lại khoản tiền là lợi nhuận tính thuế; cũng chính vì vậy, nhiều nước đã gọi chính sách này là chính sách cấp tín dụng thuế; Điều 27 mục 1 và điều 33 của Luật Đầu tư (2005) qui định về các lĩnh vực đầu tư được ưu đãi về thuế.

Đối với chính sách ưu đãi về thuế thu nhập DN: Luật thuế thu nhập DN có hiệu lực thi hành từ 01/01/2004 (sửa đổi năm 2008) và các văn bản hướng dẫn đã có qui định về mức thuế suất ưu đãi, điều kiện ưu đãi và thời gian miễn, giảm thuế.

*Về thuế suất ưu đãi:* Đối với lĩnh vực nghiên cứu KH&CN, dịch vụ KH&CN; tư vấn về pháp lý, đầu tư, kinh doanh, quản trị DN, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ được áp dụng thuế suất ưu đãi (i) thuế suất 20% được áp dụng đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thời hạn áp dụng ưu đãi là 10 năm kể từ



khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; (ii) thuế suất 15% được áp dụng cho các cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và thực hiện tại địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, thời hạn áp dụng ưu đãi là 12 năm kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; (iii) thuế suất 10% được áp dụng cho các cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và thực hiện tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thời hạn áp dụng ưu đãi là 15 năm kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

- Về miễn thuế, giảm thuế: Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực KH&CN được miễn thuế tối đa 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 9 năm tiếp theo tùy thuộc vào địa bàn đầu tư; trường hợp cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực KH&CN nêu trên thì được miễn thuế tối đa trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 7 năm tiếp theo tùy thuộc địa bàn đầu tư đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Hơn nữa, về thuế thu nhập DN, ngoài những ưu đãi nói trên còn có nhiều ưu đãi khác đối với DN khi thực hiện hoạt động NC&PT và ĐMCN [3-tr67] như (i) được khấu hao nhanh đối với tài sản máy móc, thiết bị, (ii) cho phép DN tính vào chi phí hợp lý toàn bộ các chi phí thực hiện hoạt động KH&CN do DN bỏ vốn, (iii) DN có dự án hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dịch vụ thông tin KH&CN được miễn thuế thu nhập DN,...

Đối với chính sách ưu đãi về thuế giá trị gia tăng (GTGT): Hàng hóa dịch vụ nhập khẩu để sử dụng cho mục đích nghiên cứu KH&CN thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT như (i) nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư, phương tiện vận tải thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của DN; (ii) chuyển giao công nghệ, phần mềm máy tính, trừ phần mềm máy tính xuất khẩu. Đối với những hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm

theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì việc không tính thuế chỉ thực hiện đối với phần giá trị công nghệ chuyển giao, phần mềm máy tính. Ngoài ra, các dịch vụ khoa học, kỹ thuật bao gồm các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, hướng dẫn về khoa học, kỹ thuật được áp dụng thuế GTGT với thuế suất thấp là 5%; phần mềm máy tính bán trong nước không thuộc diện chịu thuế nhưng nếu xuất khẩu thì được miễn giảm 100% thuế GTGT.

Đối với chính sách ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu: Theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành và các văn bản hướng dẫn, các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trong đó có lĩnh vực KH&CN được hưởng ưu đãi như (i) miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm mà trong nước chưa sản xuất được, (ii) miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm phần mềm, (iii) miễn thuế đối với hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu KH&CN, (iv) miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa để tạo tài sản cố định cho DN có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh; việc miễn thuế nhập khẩu được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, ĐMCN; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, vật tư dùng cho các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, còn có các chính sách ưu đãi về thuế đối với Khu công nghệ cao, ưu đãi về thuế sử dụng đất, ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao hoạt động trong lĩnh vực KH&CN, v.v...

Như vậy, trong sáu sắc thuế ưu đãi đối với hoạt động KH&CN thì có năm sắc thuế liên quan tới đầu tư ĐMCN cho DN, bao gồm (i) thuế thu nhập DN, (ii) thuế GTGT, (iii) thuế xuất khẩu, (iv) thuế nhập khẩu, (v) thuế đất. Kể từ ngày 01/01/2009, theo quy định thì lĩnh vực KH&CN là lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích đầu tư, theo đó, DN hoạt động trong lĩnh vực KH&CN được hưởng ưu đãi thuế thu nhập DN ở mức cao nhất (thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo), thể hiện ở quyết định số 14/2008/QH12 và hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về đầu tư, về thuế xuất nhập khẩu, thuế sử dụng đất, thuế thu nhập cá nhân và các ưu đãi khác. Các chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước này giữ vai trò rất quan trọng trong

việc thúc đẩy DN ĐMCN, bởi vì hoạt động ĐMCN là một hoạt động đầu tư chứa nhiều rủi ro, sự thành công của đổi mới phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ môi trường bên ngoài. Hiệu quả của chính sách ưu đãi này cần được nhìn nhận từ hai phía: (i) về phía Nhà nước, nguồn thu từ thuế phụ thuộc rất lớn vào năng lực và hiệu quả của nền kinh tế mà trung tâm là các DN, (ii) về phía DN, lợi nhuận thu được từ hoạt động ĐMCN càng cao thì tỷ lệ đóng góp vào ngân sách càng lớn thông qua việc nộp thuế.

## 2. Giả thuyết nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Giả thuyết nghiên cứu

*Giả thuyết 1:* Chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước hiện nay chưa thực sự thúc đẩy DN ĐMCN, một trong các nguyên nhân là do quá trình xây dựng, thực thi chính sách của Nhà nước chưa có sự đối thoại với DN.

*Giả thuyết 2:* Hành vi ĐMCN của DN phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, không liên quan tới các chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước và DN chỉ tiến hành ĐMCN khi dự báo được các cơ hội về triển vọng thị trường.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này, tác giả sử dụng chủ yếu là các số liệu, dữ liệu thứ cấp; cụ thể: (i) nghiên cứu các tài liệu, tài liệu trong nước và ngoài nước liên quan tới ĐMCN của DN, đặc biệt chú trọng tới các Luật và các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam liên quan tới chính sách thuế cho ĐMCN của DN; (ii) kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó về chính sách thuế thông qua các đề tài, đề án và các bài báo khoa học liên quan tới ĐMCN.

Ngoài ra, để chứng minh được giả thuyết nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp mô tả, thống kê, so sánh, đối chứng và tổng kết thực tiễn và chuyên gia; để từ đó đưa ra kết luận về các nhân tố trong chính sách thuế tác động tới hành vi ĐMCN của DN.

## 3. Kết quả nghiên cứu

Các chính sách ưu đãi của Nhà nước như miễn, giảm thuế luôn tồn tại hai mặt, đó là lợi và bất lợi; kết quả trong thực tế còn phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia, từng khu vực trong từng thời kỳ nhất định. Cụ thể, nghiên cứu của Dominique Guellec an Bruno van Pottelsberghe (1997) đã xem xét tác động của những ưu đãi về thuế đối với đầu tư của DN cho hoạt động NC&PT [3-27]; kết quả cho thấy, ưu đãi về thuế có tác động

tích cực đối với đầu tư của DN nhưng trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, việc Nhà nước áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, đặc biệt là miễn, giảm thuế thu nhập DN đối với các DN đầu tư ĐMCN trên địa bàn khó khăn đã khuyến khích mạnh mẽ các DN nhanh chóng tiến hành đầu tư ĐMCN.

Cho tới nay, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi về thuế đối với hoạt động NC&PT nói chung và ĐMCN nói riêng, chúng đã tạo tiền đề pháp lý bảo đảm cho các chính sách đổi mới đi vào thực tế. Tuy nhiên, các quy định về chính sách ưu đãi về thuế còn phức tạp, chưa thật sự rõ ràng, hiệu lực thi hành một số văn bản pháp luật trên thực tế chưa được đảm bảo, chính sách hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn DN (Nguyễn Ngọc Ca, 2000), nhất là đối với các chính sách miễn, giảm thuế; ví dụ quy định tại Luật thuế xuất, nhập khẩu về xét giảm thuế đối với hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu khoa học được xếp vào danh mục hàng được xét miễn thuế. Như vậy, để được miễn thuế bắt buộc phải qua khâu xét miễn thuế, có được hay không là do yếu tố chủ quan của cơ quan có thẩm quyền và dẫn đến Luật đã tạo ra cơ chế xin cho, các DN phải chạy chọt, nhờ vả các cơ quan quản lý nhà nước như cơ quan thuế, hải quan để có thể được hưởng ưu đãi (Dương Thị Ninh, 2007).

Hơn nữa, khi xây dựng Luật về thuế thu nhập DN (2008) cơ quan Nhà nước không quan tâm tới kết quả thực hiện hoạt động ĐMCN của DN hay nói cách khác kết quả hoạt động ĐMCN của DN không phải là căn cứ quyết định DN có được hưởng ưu đãi hay không (Nguyễn Minh Hạnh, 2001); cụ thể tại điều 18 của Luật thuế thu nhập DN “Cơ sở sản xuất đầu tư xây dựng dây chuyền mới, mở rộng qui mô, ĐMCN, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn thuế thu nhập DN cho phần thu nhập tăng thêm của năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp hai năm tiếp theo do việc đầu tư mới này mang lại” Đặc biệt, hiệu quả các ưu đãi về thuế đối với DN là chưa cao<sup>3</sup>; cụ thể: 91% DN đồng tình với nhận định “các khoản ưu đãi về thuế chỉ ảnh hưởng một phần tới kế hoạch kinh doanh nhưng không quyết định đầu tư thực tế”, 78% số DN đồng tình với nhận định “các khoản ưu đãi về thuế tương đối hấp dẫn nhưng không làm thay đổi kế hoạch đầu tư nào của DN” Vì thế, các chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước chưa có tác động mạnh mẽ trong việc thúc đẩy DN đầu tư ĐMCN mà chỉ có tác động đẩy nhanh tiến độ ĐMCN; DN ĐMCN không phải

vì sẽ được ưu đãi về thuế mà xuất phát từ chính yêu cầu của DN trong quá trình sản xuất, kinh doanh và ngược lại khi yêu cầu của quá trình sản xuất, kinh doanh đòi hỏi phải ĐMCN thì những khó khăn khách quan chỉ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện ĐMCN chứ không ảnh hưởng tới quyết định thực hiện ĐMCN của DN.

Theo ý kiến của các DN được điều tra [6], mặt hạn chế lớn nhất của các chính sách hiện nay là thiếu sự tham gia của DN trong quá trình lập chính sách và ra quyết định (77,78%), không phù hợp với nhu cầu của DN (57,62%), các chính sách không đủ mạnh để khuyến khích DN đầu tư ĐMCN (74,76%) và các ý kiến khác (3,17%). Đặc biệt về chính sách ưu đãi về thuế, các DN được hỏi cho rằng có 14,29% là thuận lợi, trong khi đó 47,62% khó khăn, 12,70% là rườm rà và 4,76% cho rằng là mất nhiều thời gian. Hơn nữa, theo CIEM (2006)<sup>4</sup>, các chính sách khuyến khích DN ĐMCN của Nhà nước có điểm số trung bình thấp nhất (2,6), qui định về ưu đãi về thuế (2,9), yêu cầu về nâng cao sức cạnh tranh (3,9), trong khi đó yêu cầu về nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và yêu cầu về nâng cao năng suất có số điểm trung bình cao nhất (4,1).

Như vậy, tuy đã có nhiều chính sách ưu đãi thuế nhằm khuyến khích các cơ quan NC&PT, các DN trong hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như ứng dụng KH&CN vào sản xuất kinh doanh, song hầu như các cơ quan, đơn vị này cũng chưa đánh giá được tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế này đối với sản xuất và đời sống. Ngay cả các cơ quan có thẩm quyền xây dựng và ban hành chính sách thuế cũng như các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cũng chưa đánh giá được kết quả cả về mặt định tính và định lượng các ưu đãi thuế đối với phát triển KH&CN. Đặc biệt hiện nay, chưa có một cơ quan nào công bố số liệu thống kê về số tiền thuế được ưu đãi đối với lĩnh vực KH&CN dành cho các ngành nghề, lĩnh vực hàng năm là bao nhiêu và kết quả từ việc ưu đãi thuế đã mang lại hiệu quả cho sản xuất, kinh doanh như thế nào. Hầu như các chính sách ưu đãi thuế mới chỉ dừng lại ở việc ban hành, mà chưa tiến hành đánh giá chính sách, nên mặc dù đã ban hành chính sách, song tác dụng của chính sách đối với cuộc sống như thế nào, hầu như vẫn còn bỏ ngỏ, chưa có ai quan tâm [13-tr18].

#### **4. Kết luận và khuyến nghị**

##### **4.1. Kết luận**

Giải thuyết 1 cho rằng chính sách ưu đãi về thuế

của Nhà nước hiện nay chưa thực sự thúc đẩy DN ĐMCN, một trong các nguyên nhân là do quá trình xây dựng, thực thi chính sách của Nhà nước chưa có sự đối thoại với DN là không hoàn toàn đúng. Bởi vì (i) môi trường chính sách nói chung và chính sách thuế nói riêng đã có những cải thiện đáng kể trong thời gian vừa qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích DN ĐMCN, tuy nhiên khi thực thi chính sách còn hạn chế dẫn đến hiệu lực, hiệu quả của chính sách ưu đãi về thuế chưa cao mặc dù đã có những đối thoại nhất định (nhưng chưa sâu) với các DN được hưởng thụ khi ban hành chính sách; (ii) mặc dù đã xây dựng và thực thi nhiều chính sách ưu đãi về thuế nhưng các chính sách này còn chưa phù hợp và chưa đủ mạnh để DN tiến hành ĐMCN, trong khi các thủ tục còn rườm rà, gây khó khăn cho DN khi làm thủ tục để được hưởng ưu đãi.

Giải thuyết 2 cho rằng hành vi ĐMCN của DN phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, không liên quan tới các chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước và DN chỉ tiến hành ĐMCN khi dự báo được các cơ hội về triển vọng thị trường cũng không hoàn toàn đúng. Bởi vì (i) động lực thúc đẩy DN ĐMCN cao nhất là nâng cao năng suất, chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh của DN trên thị trường; (ii) chính sách ưu đãi về thuế của Nhà nước chỉ có vai trò thúc đẩy ĐMCN diễn ra nhanh hơn mà thôi chứ không có vai trò quyết định trong hoạt động ĐMCN của DN.

##### **4.2. Khuyến nghị**

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các chính sách ưu đãi về thuế góp phần làm cho môi trường chính sách trở nên thân thiện hơn với DN, nâng cao hoạt động tuyên truyền chính sách về thuế và các chính sách khác liên quan tới ĐMCN để DN biết và vận dụng, đồng thời nâng cao nhận thức của lãnh đạo DN về ĐMCN.

Thứ hai, thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên giữa cơ quan quản lý Nhà nước về thuế cho ĐMCN của DN kể cả trước và sau khi ban hành chính sách; đồng thời xây dựng đơn vị tư vấn thông tin, trong đó có trợ giúp thông tin về chính sách thuế nhằm trợ giúp DN ĐMCN.

Thứ ba, Nhà nước cần xác định thước đo hiệu quả của chính sách thuế nhưng cần tránh tạo ra cơ chế trợ cấp cho DN, đồng thời xác định và tính toán tỷ lệ miễn, giảm thuế hợp lý nhằm tạo động lực mạnh hơn nữa để DN nhanh chóng tiến hành ĐMCN.

Thứ tư, Nhà nước cần xây dựng hệ thống chính sách thuế nói chung và chính ưu đãi thuế cho ĐMCN nói riêng đồng bộ, có cơ cấu hợp lý góp phần bảo đảm công bằng xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hơn nữa, cần nghiên cứu xây dựng thuế bảo vệ môi trường; đây là một sắc thuế mới áp dụng đối với các đối tượng gây ô nhiễm môi trường nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế tiếp nhận công nghệ không thân thiện với môi trường vào Việt Nam.

Thứ năm, Nhà nước cần tích cực triển khai thực hiện lộ trình giảm thuế, mở cửa thị trường theo cam kết tự do hóa thương mại và đầu tư và chủ động đẩy các hợp tác song phương, đa phương trong khu vực và quốc tế (Lê Xuân Bá, 2008); đồng thời Nhà nước là cầu nối để thiết lập mạng lưới liên kết giữa DN, các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể, cần thiết của DN trong tiến trình thực hiện các hoạt động ĐMCN. □

1. Tham khảo [1-tr5]
2. Tham khảo [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn) (Xem các Luật và văn bản liên quan tới ĐMCN)
3. Theo đề tài nghiên cứu thực nghiệm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, 2005: [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn), 12/2006
4. Điểm 1 (không có ý nghĩa); điểm 2 (ít có ý nghĩa); điểm 3 (có ý nghĩa); điểm 4 (rất có ý nghĩa); điểm 5 (có tính quyết định).

#### Tài liệu tham khảo:

1. Cao Thị Thu Anh (2007), “Chính sách hỗ trợ về tài chính cho hoạt động ĐMCN của DN theo Nghị định số 119”. Kỳ yếu kết quả nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN, NXB Thanh niên (2008)
2. Trần Ngọc Ca (2000), “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng một số chính sách thúc đẩy hoạt động ĐMCN và NC&PT trong các cơ sở sản xuất ở Việt Nam”; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2000).
3. CIEM (2008), “Chính sách huy động các nguồn vốn cho đầu tư ĐMCN của DN”, NXB Thống kê (2008); Lê Xuân Bá & Vũ Xuân Nguyệt Hồng chủ biên.
4. CIEM & UNDP (2006), “Báo cáo kết quả khảo sát về ĐMCN tại các DN công nghiệp Việt Nam”.
5. Nguyễn Minh Hạnh (2001), “Nâng cao hiệu quả một số chính sách thuế và tín dụng khuyến khích DN ĐMCN”. Kỳ yếu kết quả nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN, NXB Khoa học và Kỹ thuật (2003).
6. Nguyễn Việt Hòa (2007), “Tác động của cơ chế, chính sách công đến việc DN đầu tư và KH&CN”; Kỳ yếu kết quả nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN, NXB Thanh niên (2008).
7. Khoa Khoa học Quản lý (2010), “Giáo trình Chính sách kinh tế”, NXB Khoa học và kỹ thuật (2010); Đoàn Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Ngọc Huyền chủ biên.
8. Khoa Khoa học Quản lý (2010), “Giáo trình quản lý công nghệ”, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân (2010).
9. Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (2006), “Năng lực quản lý của Nhà nước về công nghệ và thực trạng công nghệ của các DN trong nước”.
10. Tạ Doãn Trịnh (2009), “Cho phép DN để lại một phần thu nhập tính thuế đầu tư vào hoạt động NC&PT: Nhìn từ góc độ kinh tế học”; Tạp chí hoạt động KHCN, số 11/2009.
11. Nguyễn Quang Tuấn (2007), “Vốn xã hội cho phát triển KH&CN: Triển vọng cho Việt Nam”; Nội san nghiên cứu chính sách KH&CN số 14/2007.
12. Hoàng Văn Tuyên (2008), “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động nghiên cứu và triển khai của DN” Kỳ yếu kết quả nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN, NXB Thanh niên (2009)
13. Vụ chính sách thuế - Bộ tài chính (2009), “Chính sách khuyến khích tài chính của nhà nước đối với sự phát triển khoa học công nghệ”, tác giả Dương Thị Ninh, download từ trang [www.nistpass.gov.vn](http://www.nistpass.gov.vn), ngày 30/12/2010.
14. OECD (2007): “Innovation and Growth: Rational for an Innovation Strategy”, Paris.
15. Robert D. Atkinson (April 2007), “Expanding the NC&PT Tax Credit to Drive Innovation, Competitiveness and Prosperity”. The Information Technology and Innovation Foundation
16. Tarek M Khalil (2002), “Management of technology”, University of Miami.